

**Biểu số 01****BIỂU TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ, BỔ SUNG KINH PHÍ NĂM 2023**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /02/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	<b><u>TỔNG CỘNG:</u></b>	<b><u>684,308</u></b>	
<b>1</b>	<b>Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu, dự án, đề án</b>	<b>24,892</b>	Biểu số 02
<b>2</b>	<b>Kinh phí thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>606,226</b>	
2.1	Kinh phí phân bổ	606,226	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	375,136	Biểu số 03
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	207,386	Biểu số 04
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	23,704	Biểu số 05
2.2	Phân bổ chi tiết theo từng lĩnh vực chi	606,226	Biểu số 06
<b>3</b>	<b>Kinh phí để hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022</b>	<b>30,000</b>	Biểu số 07
<b>4</b>	<b>Kinh phí để hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai</b>	<b>20,000</b>	Biểu số 08
<b>5</b>	<b>Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách năm 2023</b>	<b>3,190</b>	
-	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt 1 năm 2023 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ	3,190	Biểu số 09

**Biểu số 02****BIỂU BỔ SUNG KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN**

**Từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /02/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24,892</b>	
<b>I</b>	<b>Khối tỉnh</b>	<b>20,597</b>	
<b>1</b>	<b>Sở Tài nguyên và môi trường</b>	<b>20,000</b>	
-	Kinh phí thực hiện Đề án “Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng” theo Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ	20,000	
<b>2</b>	<b>Hội văn học nghệ thuật</b>	<b>437</b>	
-	Kinh phí hỗ trợ sáng tạo tác phẩm công trình Văn học – Nghệ thuật năm 2022	437	
<b>3</b>	<b>Hội Nhà báo</b>	<b>160</b>	
-	Kinh phí hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao của Hội Nhà báo năm 2022	160	
<b>II</b>	<b>Khối huyện</b>	<b>4,295</b>	
*	<b>Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022 (Kinh phí khoán khoán nuôi tự nhiên)</b>	<b>4,295</b>	
1	Huyện Tam Đường	1,231	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện
2	Huyện Phong Thổ	268	
3	Huyện Sìn Hồ	375	
4	Huyện Nậm Nhùn	803	
5	Huyện Mường Tè	1,082	
6	Huyện Than Uyên	268	
7	Huyện Tân Uyên	268	





STT	Nội dung dự án thành phần	Tổng cộng	Cấp tỉnh													Cấp huyện								
			Sở Lao động TBXH	Trường Cao đẳng cộng đồng	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nông nghiệp & PTNT	Ban Dân tộc	Sở Tư pháp	Sở Công thương	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	Hội Liên hiệp phụ nữ	Hội Nông dân	Liên minh HTX	Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sin Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	TP Lai Châu
9.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	3,189					1,754										129	289	400	173	240	124	44	36

**\* Ghi chú:**

(1) Đối với kinh phí giao cho các huyện, thành phố thực hiện bổ sung có mục tiêu để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

**BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023**

*Từ nguồn kinh phí sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia chưa phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh*

*(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /02/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung dự án thành phần	Tổng số	Cấp tỉnh								Cấp huyện							
			Số Lao động - TBXH	Số Thông tin và Truyền thông	Số Kế hoạch và Đầu tư	Số Xây dựng	Số Y tế	Số NN và PTNT	Trường Cao đẳng cộng đồng	UBMTTQ tỉnh	Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sin Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
	<b>Tổng số<sup>(1)</sup></b>	<b>207,386</b>	<b>5,947</b>	<b>9,843</b>	<b>140</b>	<b>150</b>	<b>211</b>	<b>95</b>	<b>17,345</b>	<b>96</b>	<b>12,661</b>	<b>44,844</b>	<b>39,247</b>	<b>23,578</b>	<b>33,556</b>	<b>8,719</b>	<b>9,003</b>	<b>1,951</b>
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</b>	<b>24,747</b>									-	<b>11,620</b>	<b>4,655</b>	<b>4,079</b>	<b>4,393</b>			
1.1	Tiêu dự án 1: Duy tu bảo dưỡng	17,677										4,550	4,655	4,079	4,393			
1.2	Tiêu dự án 2: Triển khai đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo	7,070										7,070						
<b>2</b>	<b>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo</b>	<b>51,523</b>									<b>6,134</b>	<b>10,515</b>	<b>10,515</b>	<b>7,168</b>	<b>8,628</b>	<b>3,979</b>	<b>4,134</b>	<b>450</b>
<b>3</b>	<b>Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</b>	<b>30,095</b>									<b>3,649</b>	<b>5,807</b>	<b>5,995</b>	<b>4,257</b>	<b>5,014</b>	<b>2,467</b>	<b>2,653</b>	<b>253</b>
3.1	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	22,724									2,729	4,679	4,679	3,189	3,839	1,770	1,839	-
3.2	Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	7,371									920	1,128	1,316	1,068	1,175	697	814	253
<b>4</b>	<b>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp bền vững</b>	<b>37,833</b>	<b>2,168</b>						<b>17,345</b>		<b>1,903</b>	<b>3,339</b>	<b>3,439</b>	<b>2,397</b>	<b>2,865</b>	<b>1,640</b>	<b>1,559</b>	<b>1,178</b>
4.1	Tiêu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn:	28,909							17,345		1,472	1,748	1,748	1,386	1,603	1,265	1,231	1,111
4.1.1	Nội dung hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh	17,345							17,345									
4.1.2	Nội dung hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp các huyện, thành phố	-																
4.1.2	Nội dung hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động tại các huyện, thành phố	11,564									1,472	1,748	1,748	1,386	1,603	1,265	1,231	1,111
4.2	Tiêu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	3,505										957	957	729	862			
4.3	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	5,419	2,168								431	634	734	282	400	375	328	67
<b>5</b>	<b>Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo</b>	<b>41,320</b>										<b>12,060</b>	<b>13,140</b>	<b>4,680</b>	<b>11,440</b>			
<b>6</b>	<b>Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</b>	<b>12,477</b>	<b>994</b>	<b>9,753</b>						<b>96</b>	<b>211</b>	<b>325</b>	<b>325</b>	<b>216</b>	<b>263</b>	<b>137</b>	<b>142</b>	<b>15</b>
6.1	Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	9,753		9,753														
6.2	Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	2,724	994							96	211	325	325	216	263	137	142	15

STT	Nội dung dự án thành phần	Tổng số	Cấp tỉnh							Cấp huyện								
			Sở Lao động - TBXH	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Xây dựng	Sở Y tế	Sở NN và PTNT	Trường Cao đẳng công đồng	UBMTTQ tỉnh	Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sin Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
7	<b>Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình</b>	<b>9,391</b>	<b>2,785</b>	<b>90</b>	<b>140</b>	<b>150</b>	<b>211</b>	<b>95</b>			<b>764</b>	<b>1,178</b>	<b>1,178</b>	<b>781</b>	<b>953</b>	<b>496</b>	<b>515</b>	<b>55</b>
7.1	Tiêu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	6,119	1,835								553	852	852	565	690	359	373	40
7.2	Tiêu dự án 2. Giám sát, đánh giá	3,272	950	90	140	150	211	95			211	326	326	216	263	137	142	15

**\* Ghi chú:**

(1) Đối với kinh phí giao cho các huyện, thành phố thực hiện bổ sung có mục tiêu để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia





			Số Nông nghiệp và PTNT	Số Nội vụ	Số Thông tin và Truyền thông	Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sìn Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
6	Xây dựng mô hình bản xanh - sạch - đẹp <sup>(5)</sup>	100	100										
7	Chi xây dựng và in ấn sổ tay giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP của tỉnh	200	200										
8	Chi thực hiện chương trình tại các huyện, thành phố <sup>(6)</sup>	18,579				3,536	1,768	1,768	1,326	1,326	3,094	3,978	1,783

Ghi chú:

(1) Đối với kinh phí giao cho các huyện, thành phố thực hiện bổ sung có mục tiêu để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

(2). **Kinh phí hoạt động quản lý Chương trình:** Kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình, tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình, công tác phí cho cán bộ đi dự các hội nghị, hội thảo, tập huấn, tổ chức đi học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; tổ chức khảo sát, thăm tra, thẩm định huyện, xã, bản đạt chuẩn nông thôn mới; mua sắm, sửa chữa thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, tài liệu cơ quan thường xuyên chương trình...

(3). **Kinh phí tập huấn, tuyên truyền: 2.015 triệu đồng.**

- **Tuyên truyền thông qua phối hợp với các đơn vị trong và ngoài tỉnh là 665 triệu, bao gồm:** MTTQ Việt Nam tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Phụ nữ, Hội người cao tuổi, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Ban Dân vận, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, BCH Biên phòng tỉnh, Hội Phụ nữ (mỗi đơn vị 20 triệu đồng); Công an tỉnh, Sở Tư pháp; Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy, Đài Truyền hình tỉnh, Báo Lai Châu (mỗi đơn vị 50 triệu đồng); các đơn vị báo, tạp chí trong và ngoài tỉnh 135 triệu đồng; VPĐP chi trả chế độ tin, bài, ảnh,... phục vụ hoạt động công thông tin điện tử nông thôn mới tỉnh Lai Châu (100 triệu đồng).

- **Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, 1.100 triệu đồng :** Theo Chương trình Khung của Bộ NN và PTNT tại Quyết định số 3360/QĐ-BNN-VPĐP ngày 06/9/2022 của Bộ NN và PTNT và Kế hoạch số 3650/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh về tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Dự kiến khoảng 19 lớp, bình quân mỗi lớp 60 học viên. Số NN và PTNT thực hiện.

- **Bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế-xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho công chức xã, 250 triệu đồng** (Theo Khung Chương trình của Bộ Nội vụ) và kế hoạch số 2568/KH-UBND ngày 22/7/2022 của UBND tỉnh về bồi dưỡng cán bộ, công chức xã tỉnh Lai Châu giai đoạn 2023-2025 thực hiện theo QĐ 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Dự kiến 5 lớp, khoảng 470 học viên; đối tượng: Chủ tịch, Phó phó chủ tịch, công chức địa chính xã. Số Nội vụ thực hiện

(4). **Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở 1.350 triệu, tại các xã:** Mường Kim, Phúc Than, Nậm Cắn, Mường Khoa, Bình Lư.

(5). **Xây dựng mô hình bản Xanh - Sạch - Đẹp, 100 triệu:** Dự kiến hỗ trợ tổ chức thực hiện tại xã Phúc Khoa huyện Tân Uyên. Nội dung thực hiện: Khảo sát thực tế, thành lập tổ phụ nữ tham gia xây dựng MH, tập huấn tiêu chí số 17 về môi trường, vận động hộ cam kết thực hiện 5 có 3 sạch, chỉnh trang nhà cửa, ruộng vườn, đường làng, ngõ xóm, cải tạo nhà văn hóa bản, vẽ tranh tường, kiểm tra giám sát, gắn biển thôn, bản Xanh - Sạch - Đẹp. Số Nông nghiệp và PTNT hợp đồng phối hợp với Hội phụ nữ tỉnh thực hiện.

(6) **Chi thực hiện Chương trình tại các huyện, thành phố: 18.579 triệu đồng:** Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ: Lập quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao; Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu tập trung; vệ sinh môi trường nông thôn; các nội dung thành phần, ... cho 39 xã đã đạt chuẩn và xã Sùng Phái. Định mức phân bổ: 39 xã đạt chuẩn, Hệ số 1 = 442 triệu đồng; xã Sùng Phái, thành phố Lai Châu Hệ số 3 = 1.326 triệu đồng.

**Biểu số 06****BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT THEO TỪNG LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /02/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
	<b>Tổng số</b>	<b>606,226</b>						
<b>I</b>	<b>Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>375,136</b>	<b>27,134</b>	<b>157,586</b>	<b>100,818</b>	<b>39,176</b>	<b>50,422</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>	<b>12,479</b>	<b>-</b>	<b>12,479</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
-	Huyện Tam Đường	312		312				
-	Huyện Phong Thổ	2,505		2,505				
-	Huyện Sìn Hồ	7,007		7,007				
-	Huyện Nậm Nhùn	282		282				
-	Huyện Mường Tè	392		392				
-	Huyện Than Uyên	1,771		1,771				
-	Huyện Tân Uyên	210		210				
-	Thành phố Lai Châu	-						

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
2	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>	78,319	-	78,319	-	-	-	
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	13,750	-	13,750	-	-	-	
-	Huyện Tam Đường	350		350				
-	Huyện Phong Thổ	1,800		1,800				
-	Huyện Sìn Hồ	2,500		2,500				
-	Huyện Nậm Nhùn	3,700		3,700				
-	Huyện Mường Tè	4,800		4,800				
-	Huyện Than Uyên	600		600				
-	Huyện Tân Uyên							
-	Thành phố Lai Châu							
2.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	64,569	-	64,569	-	-	-	
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5,488		5,488				
-	Sở Công thương	323		323				
-	Huyện Tam Đường	10,315		10,315				

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
-	Huyện Phong Thổ	11,518		11,518				
-	Huyện Sìn Hồ	12,347		12,347				
-	Huyện Nậm Nhùn	4,495		4,495				
-	Huyện Mường Tè	14,955		14,955				
-	Huyện Than Uyên	1,656		1,656				
-	Huyện Tân Uyên	3,308		3,308				
-	Thành phố Lai Châu	164		164				
<b>3</b>	<b>Dự án 4 (Tiểu dự án 1): Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>21,772</b>	<b>-</b>	<b>21,772</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
-	Sở Y tế	1,089		1,089				
-	Huyện Tam Đường	2,898		2,898				
-	Huyện Phong Thổ	4,081		4,081				
-	Huyện Sìn Hồ	5,158		5,158				
-	Huyện Nậm Nhùn	2,139		2,139				
-	Huyện Mường Tè	3,348		3,348				
-	Huyện Than Uyên	2,033		2,033				
-	Huyện Tân Uyên	810		810				
-	Thành phố Lai Châu	216		216				

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>	<b>100,818</b>	-	-	<b>100,818</b>	-	-	
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	17,245	-	-	17,245	-	-	
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	2,501			2,501			
-	Huyện Tam Đường	1,455			1,455			
-	Huyện Phong Thổ	2,611			2,611			
-	Huyện Sìn Hồ	2,423			2,423			
-	Huyện Nậm Nhùn	1,809			1,809			
-	Huyện Mường Tè	2,095			2,095			
-	Huyện Than Uyên	1,526			1,526			
-	Huyện Tân Uyên	2,065			2,065			
-	Thành phố Lai Châu	760			760			
4.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	12,203	-	-	12,203	-	-	
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	5,613			5,613			
-	Sở Nội vụ	61			61			

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
-	Huyện Tam Đường	801			801			
-	Huyện Phong Thổ	1,047			1,047			
-	Huyện Sìn Hồ	1,354			1,354			
-	Huyện Nậm Nhùn	678			678			
-	Huyện Mường Tè	862			862			
-	Huyện Than Uyên	739			739			
-	Huyện Tân Uyên	616			616			
-	Thành phố Lai Châu	432			432			
4.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	57,859	-	-	57,859	-	-	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3,472			3,472			
-	Trường Cao đẳng cộng đồng	11,572			11,572			
-	Huyện Tam Đường	5,747			5,747			
-	Huyện Phong Thổ	6,896			6,896			
-	Huyện Sìn Hồ	6,896			6,896			
-	Huyện Nậm Nhùn	3,448			3,448			
-	Huyện Mường Tè	5,749			5,749			
-	Huyện Than Uyên	6,322			6,322			

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
-	Huyện Tân Uyên	5,747			5,747			
-	Thành phố Lai Châu	2,010			2,010			
4.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	13,511	-	-	13,511	-	-	
-	Ban Dân tộc	13,511			13,511			
5	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>	<b>5,607</b>	-	-	-	<b>5,607</b>	-	
-	Sở Văn hóa Thể thao và du lịch	5,607				5,607		
6	<b>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em</b>	<b>8,595</b>	-	-	-	-	<b>8,595</b>	
-	Sở Y tế	8,595					8,595	
7	<b>Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</b>	<b>21,607</b>	<b>21,607</b>	-	-	-	-	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	864	864					
-	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	3,997	3,997					
-	Huyện Tam Đường	2,357	2,357					
-	Huyện Phong Thổ	3,291	3,291					
-	Huyện Sìn Hồ	4,203	4,203					
-	Huyện Nậm Nhùn	1,712	1,712					

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
-	Huyện Mường Tè	2,691	2,691					
-	Huyện Than Uyên	1,646	1,646					
-	Huyện Tân Uyên	667	667					
-	Thành phố Lai Châu	179	179					
<b>8</b>	<b>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</b>	<b>110,095</b>	<b>5,527</b>	<b>41,827</b>	<b>-</b>	<b>20,914</b>	<b>41,827</b>	
8.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	104,568	-	41,827	-	20,914	41,827	
-	Ban Dân tộc	2,928		2,928				
-	Hội Nông dân	1,046		1,046				
-	Huyện Tam Đường	13,115		4,935		2,727	5,453	
-	Huyện Phong Thổ	18		7		4	7	
-	Huyện Sìn Hồ	11,588		4,361		2,409	4,818	
-	Huyện Nậm Nhùn	47,350		17,819		9,844	19,687	
-	Huyện Mường Tè	28,523		10,731		<b>5,930</b>	<b>11,862</b>	
-	Huyện Than Uyên	-						
-	Huyện Tân Uyên	-						
-	Thành phố Lai Châu	-						



STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
8.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	5,527	5,527	-	-	-	-	
-	Ban Dân tộc	1,244	1,244					
-	Sở Tư pháp	497	497					
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	304	304					
-	Huyện Tam Đường	380	380					
-	Huyện Phong Thổ	852	852					
-	Huyện Sìn Hồ	931	931					
-	Huyện Nậm Nhùn	488	488					
-	Huyện Mường Tè	310	310					
-	Huyện Than Uyên	243	243					
-	Huyện Tân Uyên	149	149					
-	Thành phố Lai Châu	129	129					
9	<b>Dự án 10: Truyền thông tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi; Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình</b>	<b>15,844</b>	-	<b>3,189</b>	-	<b>12,655</b>	-	

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
9.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	10,804	-	-	-	10,804	-	
-	Sở Thông tin và truyền thông	2,053				2,053		
-	Ban Dân tộc	1,999				1,999		
-	Sở Tư pháp	2,053				2,053		
-	Liên minh hợp tác xã	378				378		
-	Huyện Tam Đường	530				530		
-	Huyện Phong Thổ	693				693		
-	Huyện Sìn Hồ	897				897		
-	Huyện Nậm Nhùn	448				448		
-	Huyện Mường Tè	571				571		
-	Huyện Than Uyên	489				489		
-	Huyện Tân Uyên	408				408		
-	Thành phố Lai Châu	285				285		
9.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1,851	-	-	-	1,851	-	
-	Sở Thông tin và Truyền thông	1,851				1,851		
9.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	3,189	-	3,189	-	-	-	
-	Ban Dân tộc	1,754		1,754				

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
-	Huyện Tam Đường	129		129				
-	Huyện Phong Thổ	289		289				
-	Huyện Sìn Hồ	400		400				
-	Huyện Nậm Nhùn	173		173				
-	Huyện Mường Tè	240		240				
-	Huyện Than Uyên	124		124				
-	Huyện Tân Uyên	44		44				
-	Thành phố Lai Châu	36		36				
<b>II</b>	<b>Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025</b>	<b>207,386</b>	-	<b>149,238</b>	<b>38,300</b>	<b>12,477</b>	<b>7,371</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</b>	<b>24,747</b>	-	<b>24,747</b>	-	-	-	
1.1	Tiểu dự án 1: Duy tu bảo dưỡng	17,677	-	17,677	-	-	-	
-	Huyện Phong Thổ	4,550		4,550				
-	Huyện Sìn Hồ	4,655		4,655				
-	Huyện Nậm Nhùn	4,079		4,079				
-	Huyện Mường Tè	4,393		4,393				

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
1.2	Tiểu dự án 2: Triển khai đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo	7,070	-	7,070	-	-	-	
-	Huyện Phong Thổ	7,070		7,070				
<b>2</b>	<b>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo</b>	<b>51,523</b>	-	<b>51,523</b>	-	-	-	
-	Huyện Tam Đường	6,134		6,134				
-	Huyện Phong Thổ	10,515		10,515				
-	Huyện Sìn Hồ	10,515		10,515				
-	Huyện Nậm Nhùn	7,168		7,168				
-	Huyện Mường Tè	8,628		8,628				
-	Huyện Than Uyên	3,979		3,979				
-	Huyện Tân Uyên	4,134		4,134				
-	Thành phố Lai Châu	450		450				
<b>3</b>	<b>Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</b>	<b>30,095</b>	-	<b>22,724</b>	-	-	<b>7,371</b>	
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	22,724	-	22,724	-	-	-	
-	Huyện Tam Đường	2,729		2,729				

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
-	Huyện Phong Thổ	4,679		4,679				
-	Huyện Sìn Hồ	4,679		4,679				
-	Huyện Nậm Nhùn	3,189		3,189				
-	Huyện Mường Tè	3,839		3,839				
-	Huyện Than Uyên	1,770		1,770				
-	Huyện Tân Uyên	1,839		1,839				
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	7,371	-	-	-	-	7,371	
-	Huyện Tam Đường	920					920	
-	Huyện Phong Thổ	1,128					1,128	
-	Huyện Sìn Hồ	1,316					1,316	
-	Huyện Nậm Nhùn	1,068					1,068	
-	Huyện Mường Tè	1,175					1,175	
-	Huyện Than Uyên	697					697	
-	Huyện Tân Uyên	814					814	
-	Thành phố Lai Châu	253					253	
<b>4</b>	<b>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp bền vững</b>	<b>37,833</b>	<b>-</b>	<b>8,924</b>	<b>28,909</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn:	28,909	-	-	28,909	-	-	
-	Trường cao đẳng cộng đồng	17,345			17,345			
-	Huyện Tam Đường	1,472			1,472			
-	Huyện Phong Thổ	1,748			1,748			
-	Huyện Sin Hồ	1,748			1,748			
-	Huyện Nậm Nhùn	1,386			1,386			
-	Huyện Mường Tè	1,603			1,603			
-	Huyện Than Uyên	1,265			1,265			
-	Huyện Tân Uyên	1,231			1,231			
-	Thành phố Lai Châu	1,111			1,111			
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	3,505	-	3,505	-	-	-	
-	Huyện Phong Thổ	957		957				
-	Huyện Sin Hồ	957		957				
-	Huyện Nậm Nhùn	729		729				
-	Huyện Mường Tè	862		862				

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	5,419	-	5,419	-	-	-	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2,168		2,168				
-	Huyện Tam Đường	431		431				
-	Huyện Phong Thổ	634		634				
-	Huyện Sìn Hồ	734		734				
-	Huyện Nậm Nhùn	282		282				
-	Huyện Mường Tè	400		400				
-	Huyện Than Uyên	375		375				
-	Huyện Tân Uyên	328		328				
-	Thành phố Lai Châu	67		67				
<b>5</b>	<b>Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo</b>	<b>41,320</b>	-	<b>41,320</b>	-	-	-	
-	Huyện Phong Thổ	12,060		12,060				
-	Huyện Sìn Hồ	13,140		13,140				
-	Huyện Nậm Nhùn	4,680		4,680				
-	Huyện Mường Tè	11,440		11,440				
<b>6</b>	<b>Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</b>	<b>12,477</b>	-	-	-	<b>12,477</b>	-	

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
6.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	9,753	-	-	-	9,753	-	
-	Sở Thông tin và Truyền thông	9,753				9,753		
6.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	2,724	-	-	-	2,724	-	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	994				994		
-	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh	96				96		
-	Huyện Tam Đường	211				211		
-	Huyện Phong Thổ	325				325		
-	Huyện Sìn Hồ	325				325		
-	Huyện Nậm Nhùn	216				216		
-	Huyện Mường Tè	263				263		
-	Huyện Than Uyên	137				137		
-	Huyện Tân Uyên	142				142		
-	Thành phố Lai Châu	15				15		
7	<b>Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình</b>	<b>9,391</b>	-	-	<b>9,391</b>	-	-	
7.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	6,119	-	-	6,119	-	-	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1,835			1,835			



STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
-	Huyện Tam Đường	553			553			
-	Huyện Phong Thổ	852			852			
-	Huyện Sin Hồ	852			852			
-	Huyện Nậm Nhùn	565			565			
-	Huyện Mường Tè	690			690			
-	Huyện Than Uyên	359			359			
-	Huyện Tân Uyên	373			373			
-	Thành phố Lai Châu	40			40			
7.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	3,272	-	-	3,272	-	-	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	950			950			
-	Sở Thông tin và Truyền thông	90			90			
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	140			140			
-	Sở Xây dựng	150			150			
-	Sở Y tế	211			211			
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	95			95			
-	Huyện Tam Đường	211			211			
-	Huyện Phong Thổ	326			326			
-	Huyện Sin Hồ	326			326			

STT	Dự án/tiểu dự án/đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
			Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
-	Huyện Nậm Nhùn	216			216			
-	Huyện Mường Tè	263			263			
-	Huyện Than Uyên	137			137			
-	Huyện Tân Uyên	142			142			
-	Thành phố Lai Châu	15			15			
<b>III</b>	<b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>	<b>23,704</b>						

**BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ ĐỂ HỖ TRỢ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2022***Từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023**(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /02/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Công trình	Phạm vi, mức độ thiệt hại, nguyên nhân	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí khắc phục	Kinh phí đã bố trí	Nhu cầu còn lại	Dự kiến phân bổ	Ghi chú
	<b>Tổng cộng:</b>			<b>63,314</b>	<b>16,287</b>	<b>47,027</b>	<b>30,000</b>	
<b>A</b>	<b>CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC</b>			<b>13,579</b>	<b>0</b>	<b>13,579</b>	<b>13,579</b>	
<b>I</b>	<b>Công ty TNHH MTV quản lý thủy nông tỉnh</b>			<b>10,729</b>	<b>0</b>	<b>10,729</b>	<b>10,729</b>	
1	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Ma Sao Phìn	Mưa lớn làm sạt 01 điểm mái taluy dương dài 50m; nguy cơ đứt gãy 50m kênh BTCT mặt cắt BxH=(0,8x0,8)m; Đất, đá từ các khe tụ thủy mái taluy dương trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 450m.	Đào hót sạt; kiên cố 50m kênh thay thế kênh gãy; nạo vét lòng kênh.	497	0	497	497	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
2	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Nậm Tăng - Nà Săng	Mưa lớn làm sạt mái taluy âm đứt gãy 15m kênh mặt cắt BxH=(0,6x0,6)m; Đất, đá từ các khe tụ thủy mái taluy dương trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 330m.	Kè mái taluy âm, kiên cố 15m kênh thay thế kênh gãy; Nạo vét lòng kênh.	115	0	115	115	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
3	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Hồ Thầu	Mưa lớn làm đất đá từ suối, mái taluy dương và các khe tụ thủy trôi vào gây bồi lấp 02 nhánh kênh dài 1.300m.	Nạo vét lòng kênh.	156	0	156	156	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
4	Khẩn cấp khắc phục Cụm công trình thủy lợi Tả Lèng	Mưa lớn tạo cung sạt taluy âm dài 50m gây lún, vỡ 50m kênh mặt cắt BxH=(1,2x1)m; Đất, đá từ mái taluy dương và các khe trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 350m.	Kè taluy âm dài 50m, kiên cố 50m kênh thay thế kênh cũ; nạo vét lòng kênh.	285	0	285	285	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
5	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Lũng Trù Hồ Pên	Mưa lớn làm sạt 01 điểm mái taluy dương dài 25m; sạt 01 điểm mái taluy âm dài 30m; nguy cơ vỡ 35m kênh BTCT mặt cắt BxH=(0,6x0,6)m; Đất, đá từ mái taluy dương và các khe tụ thủy trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 460m.	Đào hót sạt, kiên cố 35m kênh thay thế kênh vỡ; Kè taluy âm bảo vệ kênh dài 30m; Nạo vét lòng kênh.	284	0	284	284	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
6	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Chom Chăng	Mưa lớn làm sạt mái taluy dương gây đổ vỡ tường phòng lũ dài 12m vai phải đập đầu mối; Sạt taluy dương dài 15m gây vỡ kênh BTCT dài 15m mặt cắt BxH=(0,5x0,5)m; Đất đá từ suối và các khe trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 280m.	Kiên cố tường phòng lũ dài 15m; đào hót sạt, kiên cố 15m kênh thay thế kênh cũ; nạo vét lòng kênh.	183	0	183	183	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
7	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Hua Cườm	Mưa lớn làm đất, đá từ mái taluy dương và khe tụ thủy chảy vào gây bồi lấp lòng kênh dài 450m; Ách tắc 200m ống PVC D315.	Đào tháo dỡ thông tắc 200m ống PVC D315; Nạo vét lòng kênh.	116	0	116	116	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí

TT	Công trình	Phạm vi, mức độ thiệt hại, nguyên nhân	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí khắc phục	Kinh phí đã bố trí	Nhu cầu còn lại	Dự kiến phân bổ	Ghi chú
8	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Bán Mương	Mưa lớn làm sạt taluy âm dài 20m; vỡ 15m kênh BTCT mặt cát BxH=(0,5x0,6)m; Đất đá từ suối và các khe chảy vào gây bồi lấp lòng kênh dài 300m.	Kè taluy âm dài 20m; kiên cố 15m kênh thay thế kênh cũ bị vỡ; nạo vét lòng kênh	118	0	118	118	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
9	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Bó Lun Cóc Nhùng	Mưa lớn làm đất đá từ suối và các khe tụ thủy trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 900m; Sỏi đá lấp toàn bộ cửa thu nước, vỡ 20m kênh BTCT mặt cát BxH=(1x1)m.	Kiên cố 20m kênh mặt cát BxH=(1x1)m thay thế kênh cũ; Nạo vét lòng kênh.	222	0	222	222	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
10	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Nà Ban (đợt 1)	Mưa lớn sạt 01 điểm mái taluy dương dài 25m; Nguy cơ đứt gãy 20m kênh BTCT mặt cát (0,4x0,4)m; Đất đá từ khe tụ thủy trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 480m	Đào hót sạt; nạo vét lòng kênh; kiên cố 20m kênh thay thế kênh gãy.	163	0	163	163	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
11	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Nà Ban (đợt 2)	Mưa lớn làm sạt 01 điểm mái taluy dài 10m, ngay cơ vỡ 10m kênh BTCT; đất đá từ khe tụ thủy trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 200m;	Đào mái taluy dương nấn tuyến; kiên cố 15m kênh mặt cát BxH=(0,5x0,5)m thay thế kênh cũ; Nạo vét lòng kênh.	655	0	655	655	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
12	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Phai Ta	Mưa lớn sạt 01 điểm mái taluy dương dài 18m; Nguy cơ đứt gãy 18m kênh BTCT mặt cát (0,6x0,6)m; Đất đá từ khe tụ thủy, mái taluy dương trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 900m	Đào hót sạt; nạo vét lòng kênh; kiên cố 18m kênh thay thế kênh gãy.	297	0	297	297	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
13	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Đon Kang (đợt 1)	Mưa lũ làm trôi 18 rọ đá đầu mối; Đất, đá từ suối trôi vào kênh gây bồi lấp tuyến kênh dài 220m;	Lắp đặt bổ sung 18 rọ đá dâng nước; Đào hót sạt.	392	0	392	392	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
14	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Đon Kang (đợt 2)	Mưa lớn làm trôi 105 rọ đá hướng dòng đầu mối.	Lắp đặt bổ sung 105 rọ đá dâng nước đầu mối.	158	0	158	158	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
15	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Kênh Thủy Điện	Mưa lũ làm trôi 12 rọ đá đầu mối; Đất, đá từ suối trôi vào kênh gây bồi lấp tuyến kênh dài 350m;	Lắp đặt bổ sung 12 rọ đá dâng nước; Đào hót sạt.	564	0	564	564	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
16	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Nậm Há	Mưa lớn làm đất, đá từ suối và các khe tụ thủy trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 250m; Hình thành cung sạt mái taluy âm có nguy cơ đứt gãy 40m ống HDPE D350.	Đào mái taluy dương nấn tuyến, lắp đặt 60m ống HDPE D350 thay thế tuyến ống cũ; Đào hót sạt	180	0	180	180	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
17	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Pa Khóa	Mưa lớn hình thành cung sạt mái taluy dương và âm dài 40m, nguy cơ đứt gãy 30m ống HDPE D400.	Đào mái taluy dương nấn tuyến, lắp đặt 50m ống HDPE D400 thay thế tuyến ống cũ; Đào hót sạt	285	0	285	285	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
18	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Nậm Múng Pa Khóa (đợt 1)	Mưa lớn làm sạt mái taluy dương dài 47m, nguy cơ đứt gãy 40m kênh BTCT mặt cát BxH=(0,6x0,6)m; Đất, đá từ các khe tụ thủy mái taluy dương trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 1.100m	Đào hót sạt	382	0	382	382	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
19	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Nậm Múng Pa Khóa (đợt 2)	Mưa lớn làm sạt mái taluy dương dài 80m, nguy cơ vỡ 40m kênh BTCT; Đất đá từ suối, khe tụ thủy, mái taluy dương trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 3.900m; Vỡ 2 điểm ống HDPE D250 dài 5m.	Đào mái taluy dương nấn tuyến kiên cố 100m kênh BTCT thay thế kênh cũ; Thay thế 5m ống HDPE D250; Đào hót sạt.	831	0	831	831	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí

TT	Công trình	Phạm vi, mức độ thiệt hại, nguyên nhân	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí khắc phục	Kinh phí đã bố trí	Nhu cầu còn lại	Dự kiến phân bổ	Ghi chú
20	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Hua Ná	Mưa lớn làm sạt mái 01 điểm mái taluy dương dài 30m, nguy cơ đứt gãy 30m kênh BTCT mặt cắt BxH=(0,5x0,5)m; Sạt 01 điểm mái taluy âm làm đứt gãy 20m ống PVC D200. Đất đá từ suối, mái taluy dương và các khe tụ thủy trôi vào gây bồi lấp tuyến kênh dài 800m.	Đào hút sạt, kiên cố 30m kênh thay thế kênh cũ; Đào mái taluy dương nắn tuyến lấp đặt 40m ống HDPE thay thế tuyến ống PVC cũ;	419	0	419	419	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
21	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Cuối Nura	Mưa lớn làm sạt 01 điểm mái taluy dương dài 60m, nguy cơ đứt gãy 50m kênh BTCT mặt cắt BxH=(0,6x0,6)m; Đất, đá từ đầu mối và các khe tụ thủy trôi gây bồi lấp lòng kênh dài 370m.	Đào hút sạt, kiên cố 50m kênh thay thế kênh cũ;	482	0	482	482	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
22	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Cuối Tờ	Mưa lớn làm sạt mái taluy dương dài 15m, nguy cơ vỡ 15m kênh BTCT mặt cắt BxH=(0,5x0,5)m; Đất đá từ suối và các khe tụ thủy trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 1.200m.	Đào mái taluy dương nắn tuyến kiên cố 20m kênh BTCT thay thế kênh cũ; Nạo vét lòng kênh.	164	0	164	164	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
23	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Nậm Cây 1	Mưa lũ làm vỡ đầu mối 1 dài 12m; Đất đá từ suối và các khe tụ thủy trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 930m.	Đổ BT bù phần đập vỡ hoàn toàn; bọc lại toàn bộ đập dâng nước dài 30m; Nạo vét lòng kênh.	303	0	303	303	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
24	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Nậm Manh (đợt 1)	Mưa lớn làm sạt 01 điểm mái taluy dương dài 30m; nguy cơ vỡ 30m kênh mặt cắt BxH=(0,6x0,6)m; Đất, đá từ suối và các khe tụ thủy trôi gây bồi lấp tuyến kênh dài 580m.	Đào hút sạt, kiên cố 30m kênh thay thế kênh cũ;	325	0	325	325	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
25	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Nậm Manh (đợt 2)	Mưa lớn hình thành cung sạt taluy âm gây lún nguy cơ đứt gãy tuyến ống HDPE D400 dài 116m; Đất đá từ suối, khe tụ thủy, mái taluy dương trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 900m.	- Khối lượng: Nguy cơ đứt gãy tuyến ống HDPE D400 dài 116m; Bồi lấp 135m <sup>3</sup> . - Phương án khắc phục: Đào mái taluy dương nắn tuyến lấp đặt 120m ống HDPE D400 thay thế tuyến ống cũ; Nạo vét lòng kênh.	354	0	354	354	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
26	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Mê Gióng	Mưa lớn làm sạt mái taluy âm dài 15m, vỡ bê thu nước đầu ống, gãy 12m ống PVC D300; Đất, đá từ mái taluy dương và các khe tụ thủy trôi gây bồi lấp lòng kênh dài 750m.	Kè taluy âm dài 15m, kiên cố bê thu đầu ống, lấp đặt 12m ống PVC thay thế ống cũ;	150	0	150	150	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
27	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Nậm Ma Nội	Mưa lớn làm sạt 01 điểm mái taluy dương dài 30m, hình thành cung sạt mái taluy âm dài 175m, vỡ hoàn toàn 30m kênh, nguy cơ vỡ 145m kênh mặt cắt BxH=(0,9x0,9)m; Đất, đá từ mái taluy dương và các khe tụ thủy trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 860m.	Đào mái taluy dương nắn tuyến, kiên cố 175m kênh thay thế kênh cũ; Đào hút sạt	772	0	772	772	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
28	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Cầu Máng	Mưa lớn làm sạt mái taluy âm dài 40m, vỡ 30m kênh BTCT; Đất đá từ suối, khe tụ thủy, mái taluy dương trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 900m.	Kè taluy âm dài 40m tạo nền kênh; Kiên cố 30m kênh BTCT thay thế kênh cũ; Đào hút sạt	318	0	318	318	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí

TT	Công trình	Phạm vi, mức độ thiệt hại, nguyên nhân	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí khắc phục	Kinh phí đã bố trí	Nhu cầu còn lại	Dự kiến phân bổ	Ghi chú
29	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Nậm Lăn	Mưa lớn làm sạt 03 điểm mái taluy dương dài 120m, nguy cơ vỡ 100m kênh BTCT; Hình thành cung sạt taluy âm gây lún vỡ kênh dài 375m; Đất đá từ suối, khe tụ thủy, mái taluy dương trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 900m.	Đào mái taluy dương nắn tuyến kiên cố 475m kênh BTCT thay thế kênh cũ; Đào hót sạt,	1,560	0	1,560	1,560	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
<b>II</b>	<b>Huyện Tân Uyên</b>			<b>1,450</b>	<b>0</b>	<b>1,450</b>	<b>1,450</b>	
1	Khẩn cấp khắc phục Công trình thủy lợi Hua Cườm 2	Mưa lớn làm hỏng đầu mối thu nước, tuyến kênh dẫn nước bị hỏng dài 300 m	Kiên cố đập đầu mối thu nước và 300 m thành kênh gầy	600	0	600	600	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
2	Khẩn cấp khắc phục Công trình thủy lợi Nậm Cung 1	Mưa lớn làm hỏng tuyến kênh dẫn nước bị hỏng dài 300 m và sạt gầy 40 m kênh.	Kiên cố đập đầu mối thu nước và 400 m thành kênh gầy	850	0	850	850	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
<b>III</b>	<b>Huyện Phong Thổ</b>			<b>200</b>	<b>0</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	
1	Khẩn cấp khắc phục công trình thủy lợi Tà phùng xã Vàng Ma Chải	Mưa lớn làm sạt lở làm đứt gãy cầu máng , chiều dài khoảng 30m	Đào hót sạt, làm lại cầu máng 30m.	200	0	200	200	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
<b>IV</b>	<b>Huyện Mường Tè</b>			<b>1,200</b>	<b>0</b>	<b>1,200</b>	<b>1,200</b>	
1	Khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra công trình: Thủy lợi Tà Khò, bản Á Chè, xã Thu Lũm	Mưa lớn làm sạt 02 điểm mái taluy dương dài 100m; đứt gãy 70m kênh BTCT mặt cắt BxH=(0,5x0,5)m; nền kênh bị lún, sạt taluy âm làm cho kênh bị lút, vỡ nhiều đoạn. Đất, đá từ mái taluy dương trôi vào gây bồi lấp lòng kênh dài 300m.	Khắc phục tuyến kênh bị sạt, kiên cố kênh bị sạt lở gãy; Nạo vét lòng kênh.	700	0	700	700	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
2	Khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra công trình: Thủy lợi Nà cầu, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	Mưa lớn làm sạt 01 điểm mái taluy dương dài 100m; đứt gãy 80m kênh BTCT mặt cắt BxH=(0,6x0,6)m.	Khắc phục tuyến kênh bị sạt, kiên cố kênh bị sạt lở gãy.	500	0	500	500	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
<b>B</b>	<b>CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG</b>			<b>49,735</b>	<b>16,287</b>	<b>33,448</b>	<b>16,421</b>	
<b>I</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>			<b>27,219</b>	<b>15,575</b>	<b>11,644</b>	<b>5,719</b>	
1	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.127, ĐT.129B, ĐT.132 (Km0-Km27), Mường Mô - Nậm Chà, Pắc Ma - Nậm Là (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ 15/5-30/6)	Sạt lở đất đá taluy dương 143 vị trí: Sạt lở vai đường Km29+500, Km47+710/ĐT.127, Sạt lở kè rọ thép Km25+500/ĐT.132	Hót sạt đất đá sạt lở, Kè rọ thép Km29+500, Km47+710 (65 rọ), Xử lý sạt lở kè rọ thép Km25+500/ĐT.132	1,018	674	344	171	1410/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10/2022 của UBND tỉnh
2	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên tuyến Pa Tân - Huổi Luông - Pa Nậm Cùm (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ đầu mùa đến 25/4)	Sạt lở đất đá taluy dương 42 vị trí, Sạt lở hư hỏng cống thoát nước Km1+605, Km4+600, Km5+830, Sạt lở vai đường Km22+390	Hót sạt đất đá sạt lở; sửa chữa cống thoát nước Km1+605 ,Km4+600, Km5+830 kè BTCT, Kè rọ thép Km33+390	893	826	67	33	1228/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9/2022 của UBND tỉnh

TT	Công trình	Phạm vi, mức độ thiệt hại, nguyên nhân	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí khắc phục	Kinh phí đã bố trí	Nhu cầu còn lại	Dự kiến phân bổ	Ghi chú
3	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.133 (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ đầu mùa mưa đến ngày 31/5)	Sạt lở đất đá taluy dương 47 vị trí; Cung trượt nền đường Km46+500, Sạt lở kê ốp mái đá hộc Km73+980, Sạt vai đường Km22+150; Xói lở hư hỏng rãnh dọc Km83	Hót sạt đất đá sạt lở, Đào giảm tải Km46+500, Gia cố ốp mái Km73+980, Kè rọ thép taluy âm Km22+150; Gia cố rãnh tại Km83	1,723	1,566	156	77	1290/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9/2022 của UBND tỉnh
4	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.133 (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ 01/6 đến ngày 30/6)	Sạt lở đất đá taluy dương 97 vị trí; Cung trượt nền đường Km51+040, Sạt lừo vai đường Km73+790	"- Hót sạt, đào giảm tải cung trượt Km51+040 (29.76800m3) - Kè rọ thép Km73+790 (21 rọ).	1,513	934	579	284	1413/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11/2022 của UBND tỉnh
5	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 tại Km11+200 tuyến đường Nậm Khao - Tà Tổng - Mường Nhé, địa phận huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu năm 2022.	Trên ta luy dương xuất hiện hai tầng cung trượt: Cung trượt lớn, phía trên taluy dương cách nền đường khoảng 130m (vết đứt gãy từ 3-5m); Cung trượt nhỏ phía dưới, làm sụt lún toàn bộ phạm vi nền đường và sạt lở taluy âm với chiều dài khoảng 60m, chiều sâu sụt lún trung bình 5m so với nền đường cũ và vẫn đang tiếp tục sụt lún, gây mất an toàn giao thông đặc biệt với xe tải nặng, nguy cơ sạt lở mất toàn bộ nền đường.	Đào giảm tải cung trượt, chỉnh tuyến nền đường	11,273	6,375	4,898	2,405	1630/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh
6	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên tuyến Nậm Khao - Tà Tổng - Mường Nhé; Pắc Ma - Thu Lũm; Thu Lũm - U Ma (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ 01/6 đến ngày 30/6)	Sạt lở đất đá taluy dương: 138 vị trí; Sạt lở vai đường Km1+940, Km2+500, Km6+120, Km31+300, Km31+630 (Nậm Khao - Mường Nhé); Km3+760, Km22+900, Km36+600; Sụt lún nền đường Km37+050 (Pắc Ma - Thu Lũm); Sạt lở vai đường Km13+700 (Thu Lũm - U Ma Tu Khoàng)	+ Hót sạt, đào giảm tải cung trượt, nắn chỉnh tuyến Km31+630, kê rọ đá vai đường Km1+940, Km2+500, Km6+120, Km31+300 (Nậm Khao - Tà Tổng - Mường Nhé). + Đường PMKLTTL Tại Km3+760, Km22+900, Km36+600: Kè rọ đá vai đường, Km37+050: Đắp bù phụ, lu nền tạo êm thuận mặt đường bằng cấp phối sỏi sỏi ; + Đường Thu Lũm UMTK: Tại Km13+700: Kè rọ đá vai đường, gia cố lề đường bằng BTXM chống xói lở, sửa chữa rãnh dọc BTXM đổ bờ be chắn nước"	3,047	0	3,047	1,496	1471/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh
7	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.128, ĐT.129, (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ 15/5-30/6)	Sạt lở đất đá taluy dương: 56 vị trí; Cung trượt taluy dương Km43/ĐT.129; Sụt lún nền đường Km20+800/ĐT.128	Đào giảm tải cung trượt, rọ thép Km43/ĐT.129; Chỉnh tuyến nền đường Km20+800/ĐT.128	2,781	2,541	240	118	1462/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh

TT	Công trình	Phạm vi, mức độ thiệt hại, nguyên nhân	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí khắc phục	Kinh phí đã bố trí	Nhu cầu còn lại	Dự kiến phân bổ	Ghi chú
8	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.132 (27-Km69+500), (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ 01/6 đến ngày 20/6)	Sạt lở đất đá taluy dương: 06 vị trí; Sạt lở vai đường Km32+590, Km32+800, Km45+840, Km61+950, Km62+250, Km66+170, Xói lở, hư hỏng rãnh dọc Km33+730, Km34+400, Km34+560, Km34+630; Xói lở hư hỏng cống Km33+380	Kè sạt taluy âm Km32+590, Km32+800, Km45+840, Km61+950, Km62+250, Km66+170, SC/ rãnh dọc; Nâng khẩu độ cống Km33+380	1,879	959	920	452	1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh
9	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.135 (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ đầu mùa đến 29/4)	Xói lở hư hỏng cống Km14+450, đường tràn Km14+670	Sửa chữa tăng khẩu độ cống Km14+450, sửa chữa mặt đường tràn Km14+670	1,053	0	1,053	517	1306/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh
10	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.134 (Do ảnh hưởng đợt mưa từ đầu mùa mưa đến 25/6), ĐT.135 (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ 15/6 đến 25/6)	Sạt lở đất đá taluy dương: 115 vị trí; Xói lở mặt đường, rãnh dọc Km54/ĐT.134; Cung trượt taluy dương Km24+600/ĐT.135m, sạt lở vai đường Km13+600	Hót sạt đất đá sạt lở, SC MĐ, rãnh dọc Km54/ĐT.134; Xử lý cung trượt Km24+600/ĐT.135, kê rọ thép Km13+600-ĐT.135	2,039	1,700	339	166	1406/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh
<b>II</b>	<b>Huyện Tân Uyên</b>			<b>1,585</b>	<b>0</b>	<b>1,585</b>	<b>777</b>	
1	Khẩn cấp khắc phục Tuyến đường bán Nà Ngò - Hua Ngò - Nà Lào bị sạt lở đất taluy dương	Sạt lở taluy dương tại 14 vị trí trên tuyến gây tắc giao thông. Tổng khối lượng đất khoảng 5.250 m <sup>3</sup> , nguyên nhân do mưa, lũ làm sạt lở đất đá.	Hót sạt đất đá sạt lở, vận chuyển đến bãi đổ thải.	117	0	117	57	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
2	Khẩn cấp khắc phục Tuyến đường bán Ít Luông - Hua Sô bị sạt lở taluy dương	Sạt lở taluy dương tại 30 vị trí trên tuyến gây tắc giao thông. Tổng khối lượng đất khoảng 6.430 m <sup>3</sup> , nguyên nhân do mưa, lũ làm sạt lở đất đá.	Hót sạt đất đá sạt lở, vận chuyển đến bãi đổ thải.	115	0	115	56	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
3	Khẩn cấp khắc phục Tuyến đường bán Nà Ui - Ui Đạo - Ui Thái - Khau Hòm bị sạt lở taluy dương	Sạt lở taluy dương tại 81 vị trí trên tuyến gây tắc giao thông. Tổng khối lượng đất khoảng 26.430 m <sup>3</sup> nguyên nhân do mưa, lũ làm sạt lở đất đá.	Hót sạt đất đá sạt lở, vận chuyển đến bãi đổ thải.	390	0	390	191	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
6	Khẩn cấp khắc phục Tuyến đường TL 133 đi trung tâm xã Tà Mít bị sạt lở taluy dương	Sạt lở taluy dương tại 25 điểm trên tuyến gây tắc giao thông. Tổng khối lượng sạt khoảng 19.340 m <sup>3</sup> nguyên nhân do mưa, lũ làm sạt lở đất đá.	Hót sạt đất đá sạt lở, vận chuyển đến bãi đổ thải.	364	0	364	179	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
7	Khẩn cấp khắc phục Tuyến đường từ Tà Mít bản Nậm Khăn và bản Nậm Khăn đi bến thuyền bị sạt lở taluy dương	Đứt đường 1 đoạn 30 m. Sạt lở taluy dương tại 62 điểm trên tuyến gây tắc giao thông. Tổng khối lượng sạt khoảng 19.320 m <sup>3</sup> nguyên nhân do mưa, lũ làm sạt lở đất đá.	Hót sạt đất đá sạt lở, vận chuyển đến bãi đổ thải. Kè chắn đá.	281	0	281	138	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
8	Khẩn cấp khắc phục Tuyến đường bán Nà Còi đi Nậm Cung bị sạt lở taluy dương	Sạt lở taluy dương tại 14 vị trí trên tuyến gây tắc giao thông. Tổng khối lượng đất khoảng 19.690 m <sup>3</sup> , nguyên nhân do mưa, lũ làm sạt lở đất đá.	Hót sạt đất đá sạt lở, vận chuyển đến bãi đổ thải.	318	0	318	156	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
<b>III</b>	<b>Huyện Tam Đường</b>			<b>9,000</b>	<b>0</b>	<b>9,000</b>	<b>4,418</b>	



TT	Công trình	Phạm vi, mức độ thiệt hại, nguyên nhân	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí khắc phục	Kinh phí đã bố trí	Nhu cầu còn lại	Dự kiến phân bổ	Ghi chú
1	Khẩn cấp khắc phục Đường trục liên bản bản Pan Khèo - Sin Cầu	Sạt lở đất đá taluy đường, taluy âm vùi lấp một số vị trí mặt đường, hệ thống thoát nước; cung trượt tayluy đường.	Hót sạt sạt lở, sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, kè chống sạt lở, cung trượt	9,000	0	9,000	4,418	Chưa có kinh phí để khắc phục (khắc phục tạm để xe máy đi)
<b>IV</b>	<b>Huyện Phong Thổ</b>			<b>3,212</b>	<b>712</b>	<b>2,500</b>	<b>1,227</b>	
2	Khẩn cấp khắc phục Tuyến đường từ QL 4D đi bản Tô Y Phìn xã Lán Nhi Thàng	Bị sạt lở, 28 điểm tổng chiều dài sạt lở 460,3m, khối lượng đất đá 1.781m <sup>3</sup> , sạt lở đất đá tắc 4 cống thoát nước; sạt lở đường nền mặt đường	Hót sạt sạt, xây dựng kè bảo vệ nền, mặt đường; lấp tuyến đảm bảo giao thông	775	275	500	245	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
7	Khẩn cấp khắc phục tuyến đường giao thông tại km 3,5 từ Tỉnh lộ 132 ra khu sản xuất khu vực Mốc 70 - Bản Mới - xã Si Lở Lầu.	Mưa lớn gây sạt lở sạt lở 05 điểm chiều dài sạt lở 242m, tổng khối lượng đất đá 12.756m <sup>3</sup>	Hót sạt sạt, xây dựng kè bảo vệ nền, mặt đường; đảm bảo giao thông	2,437	437	2,000	982	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
<b>V</b>	<b>Huyện Mường Tè</b>			<b>3,253</b>	<b>0</b>	<b>3,253</b>	<b>1,597</b>	
1	Đường giao thông ngã ba Cao Chải - bản Nậm Ngà	Sạt lở đất đá taluy dương: 28 vị trí; Xói lở mặt đường.	Hót sạt đất đá sạt lở, Đắp bù phụ mặt đường	612	0	612	300	Đã thi công hoàn thành
2	Đường giao thông đến bản U Na	Sạt lở đất đá taluy dương: 5 vị trí; Xói lở mặt đường, Cung trượt taluy dương.	Hót sạt đất đá sạt lở, Đắp bù phụ mặt đường	519	0	519	255	Đã thi công hoàn thành
4	Đường giao thông từ thị trấn Mường Tè đến suối Nậm Nhọ, xã Vàng San	Sạt lở đất đá taluy dương: 9 vị trí	Hót sạt đất đá sạt lở	137	0	137	67	Đã thi công hoàn thành
6	Đường giao thông Mường Tè - Pa Ủ	Sạt lở đất đá taluy dương, tắc rãnh, tắc cống: 55 vị trí	Hót sạt đất đá sạt lở, khơi thông cống rãnh	157	0	157	77	Đã thi công hoàn thành
7	Đường giao thông Nậm Lăn - Tá Bạ	Sạt lở đất đá taluy dương: 15 vị trí; Sạt âm mắt nền đường: 1 vị trí	Hót sạt đất đá sạt lở, đào giảm tải cung trượt, cắt cơ chính tuyến, Km3+400	350	0	350	172	Đã thi công hoàn thành

TT	Công trình	Phạm vi, mức độ thiệt hại, nguyên nhân	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí khắc phục	Kinh phí đã bố trí	Nhu cầu còn lại	Dự kiến phân bổ	Ghi chú
8	Đường giao thông bản Xà Phìn - bản Sín Chải A, B	Sạt lở đất đá taluy dương: 39 vị trí; Xói lở mặt đường.	Hót sạt đất đá sạt lở, 39 đắp bù phụ mặt đường	327	0	327	161	Đã thi công hoàn thành
9	Đường giao thông liên vùng Pa Ủ - Tá Bạ	Sạt lở đất đá taluy dương: 55 vị trí; Sạt âm mắt lè đường: 1 vị trí	Hót sạt đất đá sạt lở, kê rọ đá bảo vệ ta luy âm, Km4+350	1,151	0	1,151	565	Đã khắc phục hót sạt, chưa thi công kê rọ đá.
<b>VII</b>	<b>Huyện Than Uyên</b>			<b>5,466</b>	<b>0</b>	<b>5,466</b>	<b>2,683</b>	
1	Khắc phục, sửa chữa Tuyến đường bản Mờ đi Noong Quang xã Khoen On	Sạt lở đất đá taluy dương: 01 vị trí; Xói lở mặt đường, rãnh dọc	Hót sạt nền đường, cắt cơ mái ta luy có nguy cơ sạt lở, xếp rọ đá. Bù phụ mặt đường bị sới lở bằng cấp phối	1,500	0	1,500	736	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
2	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, Tuyến đường bản Mùi đi Hua Đán bị sạt lở khoảng 25m <sup>3</sup> , một số đoạn rãnh bị hờ hàm ếch và đứt gãy dài khoảng 50m.)	Sạt lở đất đá taluy dương:	Hót sạt nền đường, cắt cơ mái ta luy có nguy cơ sạt lở, xếp rọ đá. Bù phụ mặt đường bị sới lở bằng cấp phối	1300	0	1,300	638	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
3	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông Tuyến đường sản xuất từ Chiềng Ban 2 đi Thảm Phé .	Trên ta luy dương xuất hiện hai tầng cung trượt:	Hót sạt nền đường, cắt cơ mái ta luy có nguy cơ sạt lở, xếp rọ đá. Bù phụ mặt đường bị sới lở bằng cấp phối	1000	0	1,000	491	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
4	Khắc phục, sửa chữa tuyến đường nội bản Xoong xã Tà Mung	Sạt mắt rọ đá có nguy cơ mất công làm ảnh hưởng đến tuyến đường. với chiều dài 5m, sâu 9m	Hót sạt nền đường, cắt cơ mái ta luy có nguy cơ sạt lở, xếp rọ đá. Bù phụ mặt đường bị sới lở bằng cấp phối	966	0	966	474	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí
5	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai sửa chữa gia cố lại mô cầu, kê bảo vệ khu dân cư tại Ngõ 458 đường Điện Biên Phủ.	Sạt lở đất đá taluy dương:	Hót sạt nền đường, cắt cơ mái ta luy có nguy cơ sạt lở, xếp rọ đá. Bù phụ mặt đường bị sới lở bằng cấp phối	700	0	700	344	Đã khắc phục tạm, chưa có kinh phí

**Biểu số 08****BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ ĐỂ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN  
TAI NĂM 2022 TỪ NGUỒN UBND TỈNH BẮC NINH HỖ TRỢ**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /02/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kinh phí bổ sung	Ghi chú
	<b><u>Tổng cộng</u></b>	<b><u>20,000</u></b>	
<b><i>I</i></b>	<b><i>Khởi tỉnh</i></b>	<b><i>8,280</i></b>	
1	Sở Giao thông Vận tải	8,280	
<b><i>II</i></b>	<b><i>Khởi huyện</i></b>	<b><i>11,720</i></b>	<i>Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện</i>
1	Huyện Sìn Hồ	7,730	
2	Huyện Nậm Nhùn	2,463	
3	Huyện Mường Tè	1,527	

**BIỂU THUYẾT MINH ĐỀ XUẤT KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM 2022 TỪ NGUỒN UBND TỈNH BẮC NINH HỖ TRỢ**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /02/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Công trình	Phạm vi, mức độ thiệt hại, nguyên nhân	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí khắc phục (triệu đồng)	Kinh phí đã bố trí	Nguồn dự phòng NS huyện còn lại đến 31/12/2022	Nhu cầu còn lại	Dự kiến phân bổ	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>			<b>59,706</b>	<b>20,898</b>	<b>8,667</b>	<b>31,001</b>	<b>20,000</b>	
<b>I</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>			<b>33,733</b>	<b>20,898</b>	<b>-</b>	<b>12,835</b>	<b>8,280</b>	
-	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.127, ĐT.129B, ĐT.132 (Km0-Km27), Mường Mỏ - Nậm Chà, Pắc Ma - Nậm Là (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ 15/5-30/6)	Sạt lở đất đá taluy dương 143 vị trí: Sạt lở vai đường Km29+500, Km47+710/ĐT.127, Sạt lở kê rọ thép Km25+500/ĐT.132	Hót sạt đất đá sạt lở, Kê rọ thép Km29+500, Km47+710 (65 rọ), Xử lý sạt lở kê rọ thép Km25+500/ĐT.132	1,018	831		187	121	
-	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên tuyến Pa Tần - Huổi Luông - Pa Nậm Cúm (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ đầu mùa đến 25/4)	Sạt lở đất đá taluy dương 42 vị trí, Sạt lở hư hỏng cống thoát nước Km1+605, Km4+600, Km5+830, Sạt lở vai đường Km22+390	Hót sạt đất đá sạt lở; sửa chữa cống thoát nước Km1+605, Km4+600, Km5+830 kê BTCT, Kê rọ thép Km33+390	893	857		36	23	
-	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.133 (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ đầu mùa mưa đến ngày 31/5)	Sạt lở đất đá taluy dương 47 vị trí; Cung trượt nền đường Km46+500, Sạt lở kê ốp mái đá hộc Km73+980, Sạt vai đường Km22+150; Xói lở hư hỏng rãnh dọc Km83	Hót sạt đất đá sạt lở, Đào giảm tải Km46+500, Gia cố ốp mái Km73+980, Kê rọ thép taluy âm Km22+150; Gia cố rãnh tại Km83	1,723	1,637		86	55	
-	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.133 (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ 01/6 đến ngày 30/6)	Sạt lở đất đá taluy dương 97 vị trí; Cung trượt nền đường Km51+040, Sạt lở vai đường Km73+790	"- Hót sạt, đào giảm tải cung trượt Km51+040 (29.76800m3) - Kê rọ thép Km73+790 (21 rọ).	1,513	1,199		314	203	
-	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 tại Km11+200 tuyến đường Nậm Khao - Tà Tổng - Mường Nhé, địa phận huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu năm 2022.	Trên ta luy dương xuất hiện hai tầng cung trượt: Cung trượt lớn, phía trên taluy dương cách nền đường khoảng 130m (vết đứt gãy từ 3-5m); Cung trượt nhỏ phía dưới, làm sạt lún toàn bộ phạm vi nền đường và sạt lở taluy âm với chiều dài khoảng 60m, chiều sâu sạt lún trung bình 5m so với nền đường cũ và vẫn đang tiếp tục sạt lún, gây mất an toàn giao thông đặc biệt với xe tải nặng, nguy cơ sạt lở mất toàn bộ nền đường.	Đào giảm tải cung trượt, chỉnh tuyến nền đường	11,273	8,614		2,659	1,715	

TT	Công trình	Phạm vi, mức độ thiệt hại, nguyên nhân	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí khắc phục (triệu đồng)	Kinh phí đã bỏ trí	Nguồn dự phòng NS huyện còn lại đến 31/12/2022	Nhu cầu còn lại	Dự kiến phân bổ	Ghi chú
-	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên tuyến Nậm Khao - Tà Tông - Mường Nhé; Pắc Ma - Thu Lũm; Thu Lũm - U Ma (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ 01/6 đến ngày 30/6)	Sạt lở đất đá taluy dương: 138 vị trí; Sạt lở vai đường Km1+940, Km2+500, Km6+120, Km31+300, Km31+630 (Nậm Khao - Mường Nhé); Km3+760, Km22+900, Km36+600; Sụt lún nền đường Km37+050 (Pắc Ma - Thu Lũm); Sạt lở vai đường Km13+700 (Thu Lũm - U Ma Tu Khoàng)	+ Hót sạt, đào giảm tải cung trượt, nắn chỉnh tuyến Km31+630, kê rọ đá vai đường Km1+940, Km2+500, Km6+120, Km31+300 (Nậm Khao - Tà Tông - Mường Nhé). + Đường PMKLTL Tại Km3+760, Km22+900, Km36+600: Kê rọ đá vai đường, Km37+050: Đắp bù phụ, lu nền tạo êm thuận mặt đường bằng cấp phối sỏi sỏi; + Đường Thu Lũm UMTK: Tại Km13+700: Kê rọ đá vai đường, gia cố lề đường bằng BTXM chống xói lở, sửa chữa rãnh dọc BTXM đổ bờ be chắn nước"	3,047	1,393		1,654	1,067	
-	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.128, ĐT.129, (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ 15/5-30/6)	Sạt lở đất đá taluy dương: 56 vị trí; Cung trượt taluy dương Km43/ĐT.129; Sụt lún nền đường Km20+800/ĐT.128	Đào giảm tải cung trượt, rọ thép Km43/ĐT.129; Chính tuyến nền đường Km20+800/ĐT.128	2,781	2,651		130	84	
-	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.132 (27-Km69+500), (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ 01/6 đến ngày 20/6)	Sạt lở đất đá taluy dương: 06 vị trí; Sạt lở vai đường Km32+590, Km32+800, Km45+840, Km61+950, Km62+250, Km66+170, Xói lở, hư hỏng rãnh dọc Km33+730, Km34+400, Km34+560, Km34+630; Xói lở hư hỏng cống Km33+380	Kê sạt taluy âm Km32+590, Km32+800, Km45+840, Km61+950, Km62+250, Km66+170, SC/ rãnh dọc; Nâng khẩu độ cống Km33+380	1,879	1,380		499	322	
-	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.135 (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ đầu mùa đến 29/4)	Xói lở hư hỏng cống Km14+450, đường tràn Km14+670	Sửa chữa tăng khẩu độ cống Km14+450, sửa chữa mặt đường tràn Km14+670	1,053	481		572	369	
-	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.134 (Do ảnh hưởng đợt mưa từ đầu mùa mưa đến 25/6), ĐT.135 (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ 15/6 đến 25/6)	Sạt lở đất đá taluy dương: 115 vị trí; Xói lở mặt đường, rãnh dọc Km54/ĐT.134; Cung trượt taluy dương Km24+600/ĐT.135m, sạt lở vai đường Km13+600	Hót sạt đất đá sạt lở, SC MĐ, rãnh dọc Km54/ĐT.134; Xử lý cung trượt Km24+600/ĐT.135, kê rọ thép Km13+600-ĐT.135	2,039	1,855		184	119	
-	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên ĐT.133, NH-NM (Do ảnh hưởng đợt mưa lũ từ 01/8/2022 đến ngày 10/8/2022)			4,950			4,950	3,193	123/QĐ-UBND ngày 30/01/2023
-	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, báo đảm giao thông bước 1 trên tuyến Nậm Khao - Tà Tông - Mường Nhé; Pắc Ma-Thu Lũm; Thu Lũm-U Mạ (Do ảnh hưởng thiên tai từ ngày 01/8/2022 đến 10/8/2022)			1,564			1,564	1,009	48/QĐ-UBND ngày 12/01/2023
<b>II</b>	<b>Huyện Phong Thổ</b>			<b>100</b>	-	<b>960</b>	-	-	<b>57/UBND-NN ngày 12/01/2023</b>
<b>1</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>			<b>100</b>	-	<b>960</b>	-	-	
	Công trình thủy lợi khu Chu Lin bản Trung Trái		Hót sạt, làm lại cầu máng 30 m	100		960		-	
<b>III</b>	<b>Huyện Sìn Hồ</b>			<b>16,300</b>	-	<b>4,317</b>	<b>11,983</b>	<b>7,730</b>	<b>2200/TTr-UBND ngày 14/11/2022</b>
<b>1</b>	<b>Công trình giao thông</b>			<b>8,000</b>	-	<b>2,119</b>	<b>5,881</b>	<b>3,793</b>	

TT	Công trình	Phạm vi, mức độ thiệt hại, nguyên nhân	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí khắc phục (triệu đồng)	Kinh phí đã bố trí	Nguồn dự phòng NS huyện còn lại đến 31/12/2022	Nhu cầu còn lại	Dự kiến phân bổ	Ghi chú
-	Tuyến đường Pa Khóa- Pu Sam Cáp - Noong Héo		Kè chống sạt lở Taluy âm	1,000		265	735	474	
-	Tuyến đường Lùng Thàng - Nậm Lúc		Kè chống sạt lở Taluy âm	900		238	662	427	
-	Tuyến đường Hua Cuối - Nậm Cuối		Kè chống sạt lở Taluy âm	1,000		265	735	474	
-	Tuyến đường Tà ghênh - Nậm Mạ Dao - Nậm Mạ Thái - Song cón - Lùng Thàng		Kè chống sạt lở Taluy âm	2,000		530	1,470	948	
-	Tuyến đường Lao Hua San - Nậm Phìn		Kè chống sạt lở Taluy âm	300		79	221	143	
-	Đường Lao Lử Đê - Tả San 2 xã Làng Mỏ		Kè chống sạt lở Taluy âm	1,000		265	735	474	
-	Đường Nậm Lốt - Nậm Kha xã Nậm Hăn		Kè chống sạt lở Taluy âm	1,000		265	735	474	
-	Đường nội bản xã Xả Dề Phìn		Kè chống sạt lở Taluy âm	800		212	588	379	
<b>2</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>			<b>1,400</b>	<b>-</b>	<b>371</b>	<b>1,029</b>	<b>664</b>	
-	Thủy lợi Nậm Tiến 1 xã Pa Tần		Sửa chữa đầu mối, tuyến kênh, hót sạt, treo ống, thay thế tuyến ống	550		146	404	261	
-	Sửa chữa các công trình thủy lợi xã Nậm Hăn (Nậm Kinh, Bản Hay, Chắt Thái)		Hót sạt, sửa chữa đầu mối, tuyến kênh, tuyến ống, cầu máng	850		225	625	403	
<b>3</b>	<b>Kè bảo vệ đất nông nghiệp</b>			<b>5,400</b>	<b>-</b>	<b>1,429</b>	<b>3,971</b>	<b>2,562</b>	
-	Kè bảo vệ cánh đồng bản Nậm Bó xã Lùng Thàng		Kè chống sạt lở đất sản xuất nông nghiệp	1,000		265	735	474	
-	Kè bảo vệ cánh đồng bản Ma Quai Thàng xã Ma Quai		Kè chống sạt lở đất sản xuất nông nghiệp	1,100		291	809	522	
-	Kè bảo vệ cánh đồng Vá Chảo xã Nậm Cuối		Kè chống sạt lở đất sản xuất nông nghiệp	1,100		291	809	522	
-	Kè bảo vệ cánh đồng Nà Khà xã Pa Tần		Kè chống sạt lở đất sản xuất nông nghiệp	1,100		291	809	522	
-	Kè bảo vệ cánh đồng Pa Nặm xã Pa Tần		Kè chống sạt lở đất sản xuất nông nghiệp	1,100		291	809	522	
<b>4</b>	<b>Công trình Trường học</b>			<b>1,500</b>	<b>-</b>	<b>398</b>	<b>1,102</b>	<b>711</b>	
-	Trường THCS xã Nậm Cuối		Kè chống sạt lở, tường bao, sân lát gạch	1,500		398	1,102	711	
<b>IV</b>	<b>Huyện Nậm Nhùn</b>			<b>7,070</b>	<b>-</b>	<b>3,254</b>	<b>3,816</b>	<b>2,463</b>	<b>33/TTr-UBND ngày 09/01/2023</b>
<b>*</b>	<b>Công trình giao thông</b>			<b>5,420</b>	<b>-</b>	<b>2,494</b>	<b>2,926</b>	<b>1,888</b>	
-	Khắc phục hậu quả thiên tai, BĐGT bước 1 trên tuyến đường từ thủy điện Lai Châu - Nậm Chà - cầu Pá Mỏ	Sạt lở đất đá taluy dương tại nhiều vị trí	Hót đất đá sạt lở, đảm bảo giao thông	300		138	162	105	
-	Khắc phục hậu quả thiên tai, BĐGT bước 1 trên tuyến đường nội bản Huổi Đanh, xã Nậm Hàng	Sạt lở taluy âm nền đường, mặt bằng dân cư, nguy cơ sạt lở mất nền đường; sạt lở hạ lưu cống bản, kè đá học xây	Gia cố hạ lưu cống bản, kè taluy âm bảo vệ nền đường và mặt bằng dân cư	2,000		921	1,079	696	
-	Khắc phục hậu quả thiên tai, BĐGT bước 1 trên tuyến đường đến bản Nậm Sê, xã Trung Chải	Sạt lở taluy taluy âm gây mất ổn định nền đường, gây nguy hiểm cho người và phương tiện lưu thông	Gia cố ổn định nền, mặt đường bằng kè rọ đá, tường chắn BTXM.	650		299	351	226	
-	Khắc phục hậu quả thiên tai, BĐGT bước 1 trên tuyến đường từ bản Noong Kiêng đến bản Nậm Cây	Sạt lở taluy taluy dương tại nhiều vị trí, đất đá tràn lấp mặt đường gây khó khăn cho người và phương tiện giao thông	Hót đất đá sạt lở, đảm bảo giao thông	250		115	135	87	
-	Khắc phục hậu quả thiên tai, BĐGT bước 1 trên tuyến đường từ bản Pá Bon đi bản Ma Sang, xã Nậm Pi	Sạt lở taluy taluy dương tại nhiều vị trí, đất đá tràn lấp mặt đường, rãnh dọc gây xói lở nền đường, giao thông đi lại khó khăn	Hót đất đá sạt lở, sửa chữa nền đường, rãnh dọc đảm bảo giao thông	350		161	189	122	
-	Khắc phục hậu quả thiên tai, BĐGT bước 1 trên tuyến đường từ TT xã Nậm Manh đi bản Nậm Pô	Sạt lở taluy taluy dương tại nhiều vị trí, đất đá tràn lấp mặt đường, rãnh dọc gây xói lở nền đường, giao thông đi lại khó khăn	Hót đất đá sạt lở, sửa chữa nền đường, rãnh dọc đảm bảo giao thông	450		207	243	157	

TT	Công trình	Phạm vi, mức độ thiệt hại, nguyên nhân	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí khắc phục (triệu đồng)	Kinh phí đã bỏ trí	Nguồn dự phòng NS huyện còn lại đến 31/12/2022	Nhu cầu còn lại	Dự kiến phân bổ	Ghi chú
-	Khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên tuyến đường đến bản Hát Mé, xã Mường Mỏ	Sạt lở taluy taluy dương tại nhiều vị trí, đất đá tràn lấp mặt đường, giao thông đi lại khó khăn; sạt lở taluy âm tại 02 vị trí gây mất ổn định nền đường	Hót đất đá sạt lở, rãnh dọc đảm bảo giao thông; Kè rọ đá taluy âm giữ ổn định nền đường	220		101	119	77	
-	Khắc phục hậu quả thiên tai, BDGT bước 1 trên tuyến đường đến bản Nậm Ván, xã Nậm Ban	Sạt lở taluy taluy dương, taluy âm tại nhiều vị trí, đất đá tràn lấp mặt đường, giao thông đi lại khó khăn; mất ổn định nền đường	Hót đất đá sạt lở, rãnh dọc đảm bảo giao thông; Kè taluy âm giữ ổn định nền đường	1,200		552	648	418	
*	<b>Công trình thủy lợi, nước sinh hoạt</b>			<b>1,650</b>	-	<b>760</b>	<b>890</b>	<b>575</b>	
-	Công trình thủy lợi Nậm Hải, xã Mường Mỏ	Mưa lớn làm sạt lở và đứt gãy 01 đoạn kênh BTCT thủy lợi Nậm Hải xã Mường Mỏ với chiều dài khoảng 22m.	Đào hót sạt; nạo vét lòng kênh; Sửa chữa 01 vị trí kênh BTCT BxH=30*30, tại Km0+120 - Km0+142 (làm cầu máng L=22.0m BxH=40x40 cm).	450		207	243	157	
-	Công trình thủy lợi Nậm Xuân, xã Mường Mỏ	Mưa lũ làm sạt 02 vị trí công trình thủy lợi Nậm Xuân, xã Mường Mỏ(Vị trí 01 với chiều dài khoảng 10m, chiều sâu khoảng 12m; Vị trí 02 với chiều dài 5m, chiều sâu khoảng 6m; )	Sửa chữa 01 vị trí tại bể chuyển tiếp (kênh - ống) và bê sá với L=30m (làm mới ống thép Ø300 trên trụ đỡ BTXM), Nắm tuyến kênh vào taluy dương.	450		207	243	157	
-	Công trình thủy lợi Nậm vạc 2 , xã Nậm Ban	Mưa lũ làm sạt, đứt gãy và trôi 01 đoạn kênh BT với L=20m, sạt lở 01 vị trí Taluy dương làm đất đá lấp chắn kênh L=22m.	Đào hót sạt; nạo vét lòng kênh; kiên cố 20m kênh thay thế kênh gãy.	450		207	243	157	
-	Công trình nước sinh hoạt bản Nậm Pi , xã Nậm Pi	Mưa lớn Sạt làm đứt ống nước sinh hoạt bản Nậm Pi 34m; gãy ống lọc nước bể đầu nguồn, thép chắn đầu nguồn nước sinh hoạt do hạn đi.	Nạo vét đập đầu mối, thay mới 02 crophin đầu đập Ø75. Thay mới L=2*50m ống HDPE PE100 PN10 Ø75x4.5 đầu mối (làm trụ đỡ BTXM dọc suối 35m). Thay mới 04 khóa sá đáy bể lọc (Ø75mm). Thay mới L=150m ống HDPE PE80 PN10 Ø50x3.7 (làm cáp treo đường ống). Thay mới cút nối Ø75 vào bể chứa. Sửa chữa 03 bể chứa nước (1 van cấp Ø21 + 03 vòi sá Ø21). Sửa chữa 02 hồ van Ø50 sá cặn.	300		139	161	104	
V	<b>Huyện Mường Tè</b>			<b>2,503</b>	-	<b>136</b>	<b>2,367</b>	<b>1,527</b>	<b>53/UBND-TH ngày 12/01/2023</b>
-	Hót sạt đảm bảo giao thông trước, trong và sau mùa mưa lũ năm 2022 các tuyến đường do huyện quản lý (từ tháng 6 đến 11 năm 2022)		Hót đất đá sạt lở, bù phụ đắp nền mặt đường bị sới lở; xử lý sạt lở kè rọ thép taluy âm	2,503		136	2,367	1,527	

## Biểu số 09

**BIỂU BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 108/2014/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2018/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 143/2020/NĐ-CP**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /02/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí được sử dụng và bổ sung			Ghi chú
		Tổng cộng	Sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương còn dư tại đơn vị	Ngân sách tỉnh bổ sung từ nguồn CCTL năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3,190</b>	<b>1,337</b>	<b>1,853</b>	
<b>I</b>	<b>Khối tỉnh</b>	<b>1,624</b>	<b>1,337</b>	<b>287</b>	
1	Sở Giáo dục và đào tạo	534	534		Nghỉ hưu trước tuổi (03 người)
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	183	183		Nghỉ hưu trước tuổi (01 người)
3	Sở Tư pháp	155	155		Nghỉ hưu trước tuổi (01 người)
4	Sở Y tế	465	465		Nghỉ hưu trước tuổi (04 người)
5	Hội Luật gia	287		287	Nghỉ hưu trước tuổi (01 người)
<b>II</b>	<b>Khối huyện</b>	<b>1,566</b>	<b>0</b>	<b>1,566</b>	<b>Bổ sung có mục tiêu ngân sách huyện</b>
1	Huyện Than Uyên	880		880	Nghỉ hưu trước tuổi (03 người); Thôi việc ngay (02 người)
2	Huyện Tân Uyên	686		686	Nghỉ hưu trước tuổi (05 người)